TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 08-9-2025
V/v:"Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh và bà Vũ Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng A, sinh năm 1968; địa chỉ: 42/39 đường Y Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là 42/39 đường Y Ng, phường B, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Hồng V, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 26, ngõ 2, khu tập thể đo lường tổ dân phố số 3, phường C, quận B, thành phố Hà Nội (nay là Số nhà 26, ngõ 2, khu tập thể đo lường tổ dân phố số 3, phường Đ, thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Anh Lê Phong L, sinh năm 1980, địa chỉ: CT8C, khu đô thị Đ, xã T, huyện Th, thành phố Hà Nội (nay là Căn hộ 1910, CT8C, khu đô thị Đ, xã Đ, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố Nh, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố Nh, phường K, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

2. Anh Lê Phong L, sinh năm 1980, địa chỉ: Căn hộ 1910, CT8C, khu đô thị Đ, xã Đ, thành phố Hà Nội.

3. Anh Lê Mạnh L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Nh, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố Nh, phường K, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 9 ngõ C, thôn Đ, xã Qu, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Số nhà 9 ngõ C, thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M, anh Lê Mạnh L và chị Lê Thị L: Anh Lê Phong L, sinh năm 1980 (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2025).

5. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố Nh, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố Nh, phường K, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

6. Phòng công chứng số 2 tỉnh Hà Nam, địa chỉ: 134 đường Tr, phường Qu, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Phòng công chứng số 5 tỉnh Ninh Bình: địa chỉ: 134 đường Tr, phường K, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh H, chức vụ: Phụ trách phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai S, chức vụ công chứng viên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, ông Lê Hồng A là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Ông là con đẻ của cụ Lê Văn Th, sinh năm 1935, chết ngày 08/7/2018 và cụ Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1931, chết ngày 17/12/2015. Cụ Th và cụ Ph sinh được 04 người con gồm: Ông Lê Hồng V, bà Lê Thị Th, ông Lê Hồng A và ông Lê Hồng S, (sinh năm 1955, mất năm 1996), ông S có vợ là: bà Trần Thị M và có 03 người con là: Anh Lê Phong L, anh Lê Mạnh L, chị Lê Thị L. Ngoài 04 người con đẻ trên, cụ Th, cụ Ph không ai có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi không có. Các cụ thân sinh của cụ Th, cụ Ph đều chết.

Về di sản thừa kế: Quá trình chung sống, cụ Th và cụ Ph được cha ông để lại 02 thửa đất gồm:

Thửa đất thứ nhất: Thửa số 188, tờ bản đồ PL5, diện tích 380m^2 tại thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam, đất ở tại nông thôn. Nguồn gốc thửa đất này do các cụ để lại cho cụ Th, cụ Ph, đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250559 ngày 26/6/2006, cấp cho hộ ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị Ph. Trên mảnh đất này có 01 nhà cấp 04 do cụ Th và cụ Ph tạo lập năm 1959, có diện tích khoảng 72m^2, nhà 04 gian, đổ trần hiên, lợp ngói, trần nhà bằng rơm, xây tường gạch, lợp ngói và 01 gian bếp, sân gạch đỏ, xây tường bao xung quanh thửa đất, ngoài ra trên đất có một số cây ăn quả gồm 03 cây bưởi, 02 cây nhãn, 03 cây cau, 01 cây hoa đào, 01 cây hoa mộc…

Thửa đất thứ hai: Thửa số 193, tờ bản đồ PL5, diện tích 650m^2 tại thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam, gồm 330m^2 đất thổ cư, đất HNK đất nông nghiệp 325m^2, bà Th được cấp 72m^2 đất nông nghiệp đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250519 ngày 26/6/2006 cấp cho hộ ông Lê Văn

Th và bà Nguyễn Thị Ph. Lý do bà Th được cấp đất là do bà Th ở chung nhà với cụ Th, cụ Ph. Trên diện tích đất này có một số cây ăn quả khoảng 03-04 cây vải, 02 cây nhãn, lá dong…

Ngoài ra, cụ Th, cụ Ph không có tài sản gì khác.

Quá trình sử dụng đất: Khi các cụ còn sống các cụ ở và sử dụng. Cụ Ph chết không để lại di chúc. Còn cụ Th có để lại di chúc, cụ thể, khoảng tháng 12 (dương lịch) năm 2017 trước khi chết, cụ Th gọi ông về đưa cho ông 02 bìa đỏ cùng 02 di chúc và nói khi nào cụ chết thì mới đưa ra, không được nói ai biết. Còn việc di chúc lập khi nào và lập tại đâu, các con của cụ Th có biết việc lập di chúc hay không thì ông không biết. Hiện 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Th và cụ Ph do ông Lê Hồng A đang quản lý và không bị cầm cố, thế chấp gì.

Về chi phí ma chay, cải cát: Cụ Ph chết, toàn bộ chi phí ma chay, cải cát do ông V bỏ ra, chi phí bao nhiêu ông không biết. Cụ Thanh chết toàn bộ chi phí ma chay, cải cát chia làm 03 cho 03 người con trai lo liệu đã thanh toán xong. Nay ông không yêu cầu giải quyết các chi phí này.

Về công sức duy trì, bảo quản tài sản là di sản: Đối với nhà cấp 4 trên diện tích đất 380m^2 không có công sức tôn tạo nền đất, sửa chữa, còn giữ nguyên trạng. Đối với sân bê tông cuối năm 2019 ông V làm lại lát gạch bát tràng đỏ khoảng 70m^2.

Về thuế nhà, đất: Khi các cụ còn sống thì các cụ nộp, đến năm 2018 các cụ chết thì bà Lê Thị Th là người nộp toàn bộ các loại thuế, phí đối với toàn bộ thửa đất trên.

Về nghĩa vụ tài sản của người chết để lại: Cụ Th, cụ Ph chết không để lại nghĩa vụ gì về tài sản.

Đối với diện tích đất nông nghiệp: Cụ Ph được cấp 248m^2 đất nông nghiệp, bà Th được cấp 72m^2 đất nông nghiệp, diện tích đất này được cấp chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250519 ngày 26/6/2006, Thửa số 193, tờ bản đồ PL5, diện tích 650m^2 tại thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam. Cụ Th đi thoát L nên không được cấp đất nông nghiệp. Ông đề nghị phần đất nông nghiệp không chia mà giao cho bà Th quản lý, sử dụng. Nay ông Lê Hồng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Chia tài sản theo đúng theo di chúc của cụ Lê Văn Th. Cụ thể: Đối với diện tích đất 380m^2 ông Lê Hồng A yêu cầu nhận một nửa phần đất không có nhà, còn một nửa phần đất có nhà thì chia đều cho các con. Đối với diện tích đất 650m^2: Trong đó 330m^2 đất thổ cư, ông Lê Hồng A yêu cầu được nhận một nửa, còn một nửa phần đất chia đều cho các con.

* Bị đơn ông Lê Hồng V, người đại diện theo ủy quyền anh Lê Phong L trình bày: Anh nhất trí với ý kiến của ông A về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, quá trình sử dụng tài sản là di sản, chi phí ma chay, cải cát, công sức duy trì, bảo quản tài sản là di sản, về thuế nhà, đất, nghĩa vụ tài sản của người chết để lại, diện tích đất nông nghiệp. Nay ông Lê Hồng A khởi kiện anh không nhất trí với

tính hợp pháp của 02 di chúc bởi: Việc cụ Th để lại di chúc các con, cháu thân cận gần cụ Th đều không được biết. Đề nghị Tòa án giải quyết xác định diện tích đất 380m^2 để lại là nơi thờ cúng gia tiên, đối với diện tích 650m^2, trong đó có diện tích 330m^2 đất thổ cư chia theo di chúc của cụ Th, đối với 248m^2 đất nông nghiệp không chia mà giao cho bà Th quản lý, sử dụng còn 72m^2 đất nông nghiệp cấp cho bà Th thì trả lại cho bà Th.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th:

Bà nhất trí với ý kiến của ông A, anh L trình bày về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, quá trình sử dụng tài sản là di sản, chi phí ma chay, cải cát, công sức duy trì, bảo quản tài sản là di sản, về thuế nhà, đất, nghĩa vụ tài sản của người chết để lại. Đối với 02 di chúc do cụ Lê Văn Th để lại thừa kế cho ông Lê Hồng A lập ngày 26/10/2017 tại Phòng công chứng số 2 thị xã K, tỉnh Hà Nam thì trước khi lập di chúc cụ Th có nói với bà về việc lập di chúc để thừa kế cho ông Lê Hồng A mỗi một thửa đất phần của cụ Th đều để cho ông Lê Hồng A, sau khi lập di chúc cụ Th cũng nói với bà về việc lập di chúc và giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cụ cho ông A giữ. Bà đồng ý đối với di chúc vì đó là quyền của cụ Th. Bà biết cụ Th để lại di chúc cho ông A là vì cụ Th tức ông Lê Hồng V do sau khi cụ Ph chết thì ông V dẫn cụ Th ra ủy ban xã và giành lấy tiền mai táng phí của cụ Ph. Những lúc các cụ đau ốm, chủ yếu là bà và con trai bà chăm sóc các cụ. Cụ Th có lương hưu đưa tiền cho bà chi phí ăn uống thuốc men; chỉ có ông A ở xa thỉnh thoảng hỏi thăm và gửi tiền hỗ trợ về còn ông V không thường xuyên chăm sóc, không gửi tiền về. Tại thời điểm lập di chúc, thì chỉ có bà và ông A biết còn ông V và bà M không biết, sau khi cụ Th chết, buổi tối sau khi lo công việc của cụ Th xong thì ông A mới công bố di chúc cho anh em biết, ông V tức giận mới nói từ nay về sau thì mọi công việc để cho ông A tự lo. Đến 50 ngày cụ Th chết thì anh em thỏa thuận được mọi chi phí từ khi cụ Th chết đến 50 ngày chia đều cho 03 anh em. Nhưng sau đó, ông A đề nghị thực hiện di chúc của cụ Th thì anh em lại xảy ra mâu thuẫn. Nguyện vọng của bà mong muốn các anh em tự thỏa thuận giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với diện tích đất nông nghiệp 72m^2 được cấp chung trong bìa đỏ là quyền sử dụng của bà. Các chi phác bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M, anh Lê Mạnh L và chị Lê Thị L:Thống nhất ý kiến trình bày của anh Lê Phong L và ủy quyền cho anh Lê Phong L tham gia tố tụng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 5 tỉnh Ninh Bình do bà Nguyễn Thị Mai S đại diện trình bày: Theo thông tin cung cấp của công chứng viên Lê Thị Hoài Th (là công chứng viên đã trực tiếp thụ lý, chứng nhận Di chúc của ông Lê Văn Th theo Di chúc số công chứng 2290 và 2291, quyển số 01/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2017):

Di chúc số công chứng 2290 và 2291, quyển số 01/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2017 do chính ông Lê Văn Th tự nguyện lập tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam; Ông Lê Văn Th đã ký tên và điểm chỉ vào 02 bản Di chúc trước mặt công chứng viên Lê Thị Hoài Th; chữ ký và dấu điểm chỉ trong Di chúc đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của ông Lê Văn Th. Trình tự, thủ tục công chứng 02 bản Di chúc nêu trên đúng quy định của pháp luật. Do công việc bận bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết và đề nghị xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611; Điều 623; Điều 624; Điều 628, Điều 630; Điều 634; Điều 635; Điều 643; Điều 650; Điều 651; Điều 652 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng A về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Th và Nguyễn Thị Ph để lại.

+ Đối với diện tích đất 380m^2, thửa 188: Chia ông Anh 237,5m^2 đất về phía vườn (Không có nhà). Chia cho ông Lê Hồng V 142,5m^2 trên đất có nhà và các công trình (Sân gạch trị giá 13.713.000 đồng do ông V làm). Sau khi ông V có trách nhiệm thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà Th 620.000.000 đồng.

+ Đối với diện tích đất 330m^2, thửa 193: Chia cho ông Anh 206,25m^2 đất về phía giáp đất ông V. Chia cho (anh L, anh L, chị L thừa kế thế vị) 123,75m^2 đất còn lại. Sau khi anh L, anh L, chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà Th 61.666.000 đồng.

+ Giao cho bà Th 248m^2 đất nông nghiệp và bà Th được nhận tiền thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản của ông V là 620.000.000 đồng; của anh L, anh L, chị L mỗi người là 61.666.000 đồng.

+ Về án phí: Ông A phải chịu 112.025.000 đồng. Anh L, anh L, chị L mỗi người phải nộp 13.416.650 đồng. Ông V, bà Th được miễn án phí. Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Lê Hồng A yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là các thửa đất: Thửa số 188, tờ bản đồ PL5, diện tích 380m^2 tại thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam và thửa số 193, tờ bản đồ PL5, diện tích 650m^2 tại thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam (Nay là phường K, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình). Ông Lê Hồng V, bà Trần Thị M, anh Lê Mạnh L ủy quyền cho anh Lê Phong L. Người đại diện theo ủy quyền của Phòng công chứng số 5 tỉnh Ninh Bình bà Nguyễn Thị Mai S đề nghị vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lê Văn Th chết ngày 08/7/2018, cụ Nguyễn Thị Ph chết ngày 17/12/2015. Ông Lê Hồng A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 12 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp thừa kế tài sản. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[3] Về di sản thừa kế: Qua các tài liệu chứng cứ, lời thừa nhận của các đương sự thì cụ Lê Văn Th và cụ Nguyễn Thị Ph để lại di sản là thửa đất số 188, tờ bản đồ PL5, có diện tích 380m^2 đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250559 và thửa đất số 193, tờ bản đồ PL5, diện tích 650m^2, trong đó có 330m^2 đất ở, 248m^2 đất nông nghiệp cấp cho cụ Ph và 72m^2 đất nông nghiệp cho bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250519 đều đứng tên hộ ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph cùng cấp ngày 26/6/2006, tại địa chỉ thôn Nh, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường K, tỉnh Ninh Bình). Trên thửa đất 188, PL5 có một ngôi nhà cấp 4, bếp, nhà vệ sinh, bể chìm đã hết khấu hao sử dụng, tường bao xây gạch, một số cây cối do các cụ tạo lập, sân lát gạch do ông V làm năm 2019. Trên thửa đất 193, PL5 không có nhà mà chỉ có một số cây cối như cây nhãn, cây lá dong... Ngoài ra, cụ Th, cụ Ph không để lại di sản, tài sản nào khác. Do đó xác định di sản của cụ Th, cụ Ph để lại là:

Thửa đất số 188, tờ bản đồ PL5, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250559, ngày 26/6/2006 ; thửa đất số 193, tờ bản đồ PL5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250519, ngày 26/6/2006 đều đứng tên hộ ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph để chia thừa kế đã được Hội đồng định

giá giá trị: Thửa đất số 188, diện tích đất ở 380m^2 x 10.000.000đồng/m^2 = 3.800.000.000 đồng; thửa đất 193, diện tích đất ở 330m^2 x 8.000.000đồng/m^2 = 2.640.000.000 đồng. Các tài sản trên đất đã hết khấu hao sử dụng và không yêu cầu định giá, xem xét. Theo đó, xác định cụ Th, cụ Ph mỗi người để lại di sản là ½ quyền sử dụng đất có giá trị là: Thửa 188 (380m^2 đất ở: 2 = 190m^2 đất x 10.000.000đồng/m^2 = 1.900.000.000 đồng); thửa 193 (330m^2 đất ở: 2 = 165m^2 đất x 8.000.000 đồng = 1.320.000.000 đồng).

[4] Về hàng thừa kế và kỷ phần: Cụ Lê Văn Th và cụ Nguyễn Thị Ph sinh được 04 người con gồm: Ông Lê Hồng S (Ông S chết, người thừa kế thế vị của ông S là anh L, anh L, chị L), ông Lê Hồng V, ông Lê Hồng A và bà Lê Thị Th. Cụ Th, cụ Ph không có con riêng, không có bố mẹ nuôi, bố mẹ đẻ của các cụ đều đã chết.

Cụ Nguyễn Thị Ph, chết ngày 17/12/2015 không để lại di chúc, cụ Lê Văn Th chết ngày 08/7/2018 có để lại Di chúc số công chứng 2290 và 2291, quyển số 01/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2017 lập tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam với nội dung cụ Lê Văn Th để lại phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của vợ chồng cho ông Lê Hồng A.

Xét di chúc được lập vào ngày 26/10/2017 thấy nội dung và hình thức của bản di chúc do cụ Lê Văn Th lập là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật; là di chúc được lập tại Văn phòng công chứng của Nhà nước có chứng thực của công chứng viên theo quy định tại Điều 636 BLDS 2015; tại thời điểm cụ Th lập di chúc không có ai thuộc diện người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 644 BLDS 2015; ngoài bản di chúc này thì không còn một bản di chúc nào khác. Do đó là di chúc hợp pháp, phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Điều 611, 643 BLDS 2015. Vì vậy phân chia phần di sản của cụ Lê Văn Th theo di chúc và phần di sản của cụ Nguyễn Thị Ph được chia thừa kế theo pháp luật.

Đối với phần di sản của cụ Thanh: Ông Lê Hồng A được hưởng 190m^2 đất ở thuộc thửa 188 và 165m^2 đất ở thuộc thửa 193.

Đối với phần di sản của cụ Ph: Xác định được hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Lê Hồng S, ông Lê Hồng V, ông Lê Hồng A và bà Lê Thị Th. Tại thửa 188: 190m^2 đất : 04 người = 47,5m^2; tại thửa 193: 165m^2 : 4 người = 41,25m^2.

Do ông S chết trước các cụ nên anh L, anh L và chị L là cháu được hưởng thừa kế thế vị, mỗi người được hưởng là thửa 188 (47,5m^2: 3 = 15,83m^2); thửa 193 (41,25m^2 : 3 = 13,75m^2).

Như vậy, ông Lê Hồng A được hưởng thừa kế là 190m^2 +47,5 m^2 = 237,5m^2 và 165m^2 + 41,25m^2 = 206,25m^2. Trị giá thành tiền là: (237,5m^2 x 10.000.000 đồng = 2.375.000.000 đồng và 206,25m^2 x 8.000.000 đồng = 1.650.000.000 đồng. Tổng trị giá là 4.025.000.000 đồng.

Ông Lê Hồng V và bà Lê Thị Th mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là: 47,5m^2 và 41,25m^2.Trị giá thành tiền là: 47,5m^2 x 10.000.000 đồng = 475.000.000

đồng và 41,25m^2 x 8.000.000 đồng = 330.000.000 đồng. Tổng giá trị là: 805.000.000 đồng.

Anh L, anh L, chị L mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là: 15,83m^{2}x 10.000.000 đồng = 158.300.000 đồng và 13,75m^2 x 8.000.000 đồng = 110.000.000 đồng. Tổng trị giá là: 268.300.000 đồng.

Do các đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau về kỷ phần được hưởng bằng tiền hay hiện vật. Căn cứ hiện trạng của thửa đất và căn cứ quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 07-10-2024 của UBND tỉnh Hà Nam Ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất ở, đất nông nghiệp do tự khai hoang, đất chưa sử dụng; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Hà Nam thì diện tích đất của cụ Th, cụ Ph để lại không đủ hạn mức chia bằng hiện vật cho từng kỉ phần thừa kế được hưởng. Mặt khác ông A ý kiến xin được nhận di sản bằng hiện vật là phần đất trống. Để bảo đảm giá trị của mảnh đất, quyền lợi cho đương sự, xét yêu cầu của ông A là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông A. Cụ thể:

+ Đối với diện tích đất 380m^2, thửa 188: Chia ông A 237,5m^2 về phía vườn (Không có nhà). Chia cho ông Lê Hồng V 142,5m^2 trên đất có nhà và các công trình (Sân gạch trị giá 13.713.000 đồng do ông V làm). Ông V có trách nhiệm thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà Th 620.000.000 đồng.

+ Đối với diện tích đất 330m^2, thửa 193: Chia cho ông A 206,25m^2 đất về phía giáp đất ông V. Chia cho (anh L, anh L, chị L thừa kế thế vị) 123,75m^2 đất còn lại. Sau khi anh L, anh L, chị L mỗi người có trách nhiệm thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà Th 61.666.000 đồng.

[5] Về công sức tôn tạo nền đất, công sức tu duy bảo quản di sản, công sức ma chay cải cát, thuế nhà đất, nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với diện tích đất nông nghiệp: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất giao cho bà Th quản lý sử dụng và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Hồng A đã nộp chi phí tố tụng là 7.900.000 đồng và đã chi phí hết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông A xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 624, Điều 626, Điều 628, Điều 630, Điều 635, Điều 643, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 659, Điều 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng A về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Th và cụ Nguyễn Thị Ph.

Công nhận 02 bản di chúc số công chứng 2290 và 2291, quyển số 01/2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2017 do cụ Lê Văn Th lập tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam là hợp pháp.

Chia di sản như sau:

+ Đối với diện tích đất 380m^2, thửa 188, tờ bản đồ PL5, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250559 ngày 26/6/2006 đứng tên hộ ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph: Chia cho ông Lê Hồng A được quản lý sử dụng diện tích đất 237,5m^2 về phía vườn (phần đất không có nhà). Chia cho ông Lê Hồng V được quản lý sử dụng diện tích đất 142,5m^2 trên đất có nhà và các công trình (Sân gạch trị giá 13.713.000 đồng do ông V làm). Ông Lê Hồng V có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Lê Thị Th 620.000.000 đồng.

+ Đối với diện tích đất 330m^2, thửa 193, tờ bản đồ PL5, đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 250519 ngày 26/6/2006 đứng tên hộ ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph: Chia cho ông Lê Hồng A được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 206,25m^2 về phía đất giáp đất ông V. Chia cho anh L, anh L, chị L được quyền sử dụng chung diện tích đất 123,75m^2 còn lại. Sau khi anh L, anh L, chị L mỗi người có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà Th 61.666.000 đồng.

Bà Th được nhận tiền thanh toán kỷ phần chênh lệch tài sản của ông V là 620.000.000 đồng; của anh L, anh L, chị L mỗi người là 61.666.000 đồng.

(Có sơ đồ bản vẽ vị trí kích thước đất kèm theo).

2. Về án phí dân sự: Ông Lê Hồng A phải chịu 112.025.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng 4.560.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí số 0000245 ngày 17/02/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (Nay là phòng thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình). Ông A còn phải nộp tiếp 107.465.000 đồng. Anh Lê Phong L, anh Lê Mạnh L, chị Lê Thị L mỗi người phải chịu 13.416.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí cho ông Lê Hồng V và bà Lê Thị Th.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình (để b/c);
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- T.H.A DS Ninh Bình;
- UBND phường Lý Thường Kiệt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt